

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND huyện về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đức Hòa;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH BSL International và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4570/TTr-PTNMT ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc cấp giấy phép môi trường đối với dự án “Kho chứa hóa chất công suất 5.000 tấn, hoạt động pha chế, phối trộn hóa chất công suất 990 tấn sản phẩm/năm; hoạt động sang chiết hóa chất công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH BSL International tọa lạc tại Lô S1-1, đường IDC-9, KCN Hựu Thạnh, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH BSL International tọa lạc tại Lô S1-1, đường IDC-9, KCN Hựu Thạnh, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Kho chứa hóa chất công suất 5.000 tấn, hoạt động pha chế, phối trộn hóa chất công suất 990 tấn sản phẩm/năm; hoạt động sang chiết hóa chất công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Kho chứa hóa chất công suất 5.000 tấn, hoạt động pha chế, phối trộn hóa chất công suất 990 tấn sản phẩm/năm; hoạt động sang chiết hóa chất công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô S1-1, đường IDC-9, KCN Hựu Thạnh, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 1102057021. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế

hoạch và Đầu tư tỉnh Long An; Đăng ký lần đầu ngày 08/05/2024, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 20/05/2024.

1.4. Mã số thuế: 1102057021.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kho chứa hoá chất; hoạt động pha chế, phối trộn và sang chiết hoá chất.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

1.6.1. Phạm vi: Lô S1-1, đường IDC-9, KCN Hựu Thạnh, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

1.6.2. Quy mô:

- Diện tích là 2.016 m² (theo Hợp đồng thuê nhà kho số 27SA/TCT-ĐT ngày 22/05/2024 giữa Tổng Công ty IDICO-CTCP và Công ty TNHH BSL International).

- Dự án phân loại theo tiêu chí dự án nhóm C theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019; Dự án thuộc Danh mục dự án đầu tư nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Do đó, căn cứ Điều 39 và khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, dự án trên thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường, thẩm định quyền cấp phép là Ủy ban nhân dân huyện.

1.6.3. Quy trình công nghệ sản xuất:

- Quy trình nhập kho: Hoá chất → Xe tải chuyên hoá chất về dự án → Phân loại (theo mục đích sử dụng, dạng tồn tại, tính chất, bao bì) → Dán nhãn → Xe nâng chuyển vào khu vực lưu chứa → Lưu chứa.

- Quy trình xuất kho: Hoá chất lưu kho → Xe nâng chuyển hàng lên xe tải → Xe tải chuyên tới kho của khách hàng.

- Quy trình pha chế, phối trộn hoá chất: Nguyên liệu → Nhập liệu - cân định lượng → Phối trộn → Kiểm tra → Chiết rót, đóng gói, dán nhãn → Thành phẩm → Lưu chứa.

- Quy trình sang chiết hoá chất: Nguyên liệu đầu vào → Bồn chứa → Sang chiết → Đóng nắp, dán nhãn → Kiểm tra → Thành phẩm → Lưu chứa.

1.6.4. Công suất: Kho chứa hóa chất công suất 5.000 tấn; pha chế, phối trộn hoá chất công suất 990 tấn sản phẩm/năm; sang chiết hóa chất công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về

bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH BSL International:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH BSL International có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm (từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 01 tháng 7 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Kho chứa hóa chất công suất 5.000 tấn; hoạt động pha chế, phối trộn hóa chất công suất 990 tấn sản phẩm/năm; hoạt động sang chiết hóa chất công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH BSL International theo quy định của pháp luật. /s/

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, PVP, NC;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường (5b);
- UBND xã Hựu Thạnh;
- Tổng Công ty IDICO – CTCP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Minh Hoàng

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10894/GPMT-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện Đức Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hựu Thạnh, không xả ra môi trường).

Chủ dự án sẽ ký Hợp đồng xử lý nước thải với Tổng Công ty IDICO- CTCP (chủ đầu tư hạ tầng KCN Hựu Thạnh).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng: Nước mưa trên mái được thu gom vào các ống xối nhựa PVC D114. Các ống xối này thu gom nước mưa trên mái nhà xưởng, dẫn thẳng xuống các hố ga dưới mặt đất. Các hố ga này được nối với nhau bằng các ống dẫn nước mưa BTCT D300, D400 dưới mặt đất, hòa chung với dòng nước mưa chảy tràn được thu gom trên mặt đất.

Thu gom nước mưa chảy tràn: Nước mưa trên bề mặt được thoát vào cống ven đường và dẫn tới các hố ga để đổ vào cống thu gom chạy dọc theo các tuyến đường nội bộ.

Toàn bộ lượng nước mưa được thu gom theo cống thoát nước mưa nội bộ theo ống BTCT D300, D400, sau đó dẫn bằng ống BTCT D600 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN thông qua 01 điểm xả thải (tuyến mương thoát nước mưa trên đường N2A của KCN) với tọa độ X=1191366, Y= 0576403 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°).

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ.

Nước thải phát sinh tại dự án khoảng 1,2 m³/ngày chủ yếu là nước thải sinh hoạt từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên của Công ty.

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại khuôn viên dự án được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, nước thải sau bể tự hoại được dẫn bằng đường ống HDPE D100 mm, đầu nối vào hố ga thoát nước thải trong khuôn viên dự án. Sau đó, theo đường ống dẫn bằng BTCT D250mm, $i=0,4\%$ đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải của KCN Hựu Thạnh tại 01 hố ga trên đường N2A có tọa độ $X=1191369$ $Y=0576367$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Hố ga giám sát nằm ngoài hàng rào dự án → Hố ga đầu nối nước thải với KCN Hựu Thạnh.

- 01 bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 5 m^3 (kích thước $2,5\text{m} \times 1\text{m} \times 2\text{m}$).

- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải:

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước xây dựng: LxBxH (m)	Thể tích (m^3)	Vật liệu
1	Bể chứa	01 bể	$1 \times 1 \times 2$	2	BTCT
2	Bể lắng	01 bể	$0,75 \times 1 \times 2$	1,5	
3	Bể lọc	01 bể	$0,75 \times 1 \times 2$	1,5	
Tổng cộng				5	

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại và mạng lưới thu gom, thoát nước thải.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn; hút hầm bể tự hoại định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng KCN Hựu Thạnh, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nổi nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Hựu Thạnh để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

ẤN

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10894 /GPMТ-UBND
ngày 01 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện Đức Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Mùi hoá chất phát sinh từ công đoạn nhập liệu, phối trộn, chiết rót của quy trình pha chế, phối trộn hoá chất tại khu vực 1.

- Nguồn số 02: Mùi hoá chất phát sinh từ công đoạn nhập liệu, phối trộn, chiết rót của quy trình pha chế, phối trộn hoá chất và công đoạn sang chiết của quy trình sang chiết hoá chất tại khu vực 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải: 01 vị trí ống thải sau hệ thống xử lý khí thải với công suất 4.000 m³/giờ. Chủ dự án thu gom hơi hoá chất phát sinh từ nguồn số 02 tại dự án dẫn về hệ thống xử lý khí thải với công suất 4.000 m³/ giờ. Tọa độ X = 1191367, Y = 0576361 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', vĩ chiều 3°).

- Riêng mùi phát sinh từ nguồn số 01 được quản lý nội vi bằng việc bố trí thông thoáng nhà xưởng và vệ sinh khu vực sản xuất hàng ngày.

- Vị trí xả khí thải: nằm trong khuôn viên dự án đầu tư tại Lô S1-1, đường IDC-9, KCN Hựu Thạnh, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 4.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý tại được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục theo thời gian hoạt động dự án.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	4.000	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Toluen	mg/Nm ³	750		
3	Metanol	mg/Nm ³	260		
4	Xylen	mg/Nm ³	870		

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Biện pháp xử lý bụi, khí thải

Hơi hoá chất phát sinh từ công đoạn phối trộn, chiết rót của quy trình pha chế phối trộn và công đoạn sang chiết của quy trình sang chiết được thực hiện trong 1 hộp kín với kích thước $D \times R \times C = 2\text{m} \times 2\text{m} \times 2\text{m}$, chủ đầu tư sẽ lắp đặt ống dẫn có kích thước $D=0,5\text{m}$ tại đỉnh hộp kính để thu gom hơi phát sinh về hệ thống xử lý khí công suất $4.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$, khí thải sau xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT, trước khi thải ra môi trường.

1.2. Công trình thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Quy trình công nghệ: Khí thải $\rightarrow$ Hệ thống ống dẫn $\rightarrow$ Tháp hấp phụ $\rightarrow$ Quạt hút $\rightarrow$ Ống phát thải ($H=16\text{m}$, $D=0,3\text{m}$) $\rightarrow$ Khí thải đạt QCVN 20:2009/BTNMT.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải:

STT	Thông số kỹ thuật	Tính chất, công suất	Số lượng	Đơn vị
1	Hệ thống đường ống dẫn khí từ hộp kín	Kích thước: $D=0,5 \text{ m}$ Vật liệu: thép CT3	01	Hệ thống
2	Tháp hấp phụ (bao gồm cả than hoạt tính)	Vật liệu: Thép CT3, hình trụ tròn Đường kính trong tháp: $1,2 \text{ m}$ Chiều dài thân tháp: $2,4 \text{ m}$	01	Bộ
3	Quạt hút	Công suất: 5 HP Lưu lượng: $Q= 4.000 \text{ m}^3/\text{h}$	01	Cái
4	Ống thải	Vật liệu: thép CT3, $D= 0,3 \text{ m}$; $H = 16\text{m}$	01	Cái
5	Tủ điều khiển	Kích thước: $D \times C \times R = 0,4\text{m} \times 0,6\text{m} \times 0,3\text{m}$	01	Cái

- Công suất thiết kế: $4.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hoá chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ máy móc có phát sinh bụi, khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với máy móc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: từ ngày 01/03/2025 đến ngày 31/10/2025.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí ống thải sau hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường với tọa độ X=1191367, Y=0576361 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Trong quá trình vận hành, khi có sự cố, Chủ dự án phải khắc phục ngay lập tức, báo cáo cho cơ quan có chức năng kịp thời xử lý và dừng các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải; chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh bụi, khí thải khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đã khắc phục xong. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

3.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10894/GPMT-UBND
ngày 01 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện Đức Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực pha chế, phối trộn hoá chất 1;
- Nguồn số 02: Khu vực chiết rót 1;
- Nguồn số 03: Khu vực pha chế, phối trộn và sang chiết hoá chất 2;
- Nguồn số 04: Khu vực chiết rót 2;
- Nguồn số 05: Khu vực hệ thống xử lý khí thải;
- Nguồn số 06: Khu vực phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn nhất của kho chứa hoá chất do hoạt động của xe nâng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01 có toạ độ: X = 1191315; Y = 0576333;
- Nguồn số 02 có toạ độ: X = 1191316; Y = 0576331;
- Nguồn số 03 có toạ độ: X = 1191364; Y = 0576329;
- Nguồn số 04 có toạ độ: X = 1191363; Y = 0576330;
- Nguồn số 05 có toạ độ: X = 1191365; Y = 0576340;
- Nguồn số 06 có toạ độ: X = 1191311; Y = 0576320.

(Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Tất cả các điểm ngoài sát hàng rào nhà máy (Khu vực thông thường)

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Tất cả các điểm ngoài sát hàng rào nhà máy (Khu vực thông thường)

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung do phương tiện giao thông chủ đầu tư áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Xe ra vào yêu cầu đi với tốc độ chậm 5km/h, không bóp còi.
- Không cho các xe nổ máy trong lúc chờ nhận hàng.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Ngoài các xe chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và thu gom chất thải, các loại phương tiện đều phải gửi ngoài bãi xe.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

- Tất cả máy móc thiết bị sản xuất để đúc móng đủ khối lượng, tăng chiều sâu của móng, lắp đặt giá đỡ máy bằng cao su hoặc bê tông và lắp đặt hệ thống giảm ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

2.3. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 0894/GPMT-UBND
ngày 01 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện Đức Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Thành phần rác thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	2	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	4	16 01 06
3	Dầu nhớt thải	Rắn	10	17 02 02
4	Bao bì mềm thải dính thành phần nguy hại	Lỏng	30	18 01 01
5	Thùng, can rỗng bằng kim loại có nhiễm hóa chất	Lỏng	50	18 01 02
6	Hóa chất hết hạn sử dụng, chất lượng kém, hư hỏng, tràn đổ	Rắn	1.250	19 05 06
7	Cát thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	40	18 02 01
8	Than từ quá trình xử lý khí thải	Lỏng	272	12 01 04
Tổng cộng			1.658	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của dự án với khối lượng ước tính khoảng 130 kg/tháng bao gồm thùng giấy, bao bì carton thải; giấy vụn phòng thải; chai, nút hư hỏng không dính thành phần nguy hại...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt tại dự án với khối lượng ước tính khoảng 13,5 kg/ngày chủ yếu bao gồm chất thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), chất thải vô cơ (bao gồm nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa*: 09 thùng nhựa PVC (có nắp đậy), thể tích 120 lít. Các thùng chứa chất thải được dán mã số phân loại đối với từng loại chất thải nguy hại riêng biệt.

2.1.2. *Khu vực lưu chứa*

- Diện tích: 16 m² (kích thước D x R = 4m x 4m, chiều cao H = 3m).

- Thiết kế của khu vực chứa chất thải nguy hại: kết cấu tường, mái lợp tôn, nền bê tông. Xung quanh kho chứa chất thải nguy hại có gờ cao 10cm. Khu vực lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại được gắn biển dấu hiệu cảnh báo nguy hiểm, bố trí vật liệu hấp thu và thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường*

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa*: 03 thùng chứa PVC (có nắp đậy) dung tích 240 lít.

2.2.2. *Khu vực lưu chứa*

- Diện tích: 12 m² (kích thước D x R = 4m x 3m, chiều cao H = 3m).

- Thiết kế của khu vực chứa chất thải: kết cấu tường bằng tôn, mái lợp tôn, nền bê tông. Khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân biệt với nhà xưởng và khu vực chứa chất thải nguy hại bằng vách ngăn hoặc hàng rào. Tại khu vực này được dán bản ghi rõ nội dung đây là khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.3. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt*

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa*: Trang bị 07 thùng chứa bằng nhựa PVC, cụ thể như sau: 04 thùng loại 20 lít, 02 thùng loại 50 lít, 1 thùng 240 lít) để thu gom chất thải sinh hoạt trong khuôn viên dự án.

2.3.2. *Khu vực tập kết*:

Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt được bố trí đầu kho thuận tiện cho việc thu gom.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất: Thiết kế nhà kho chứa hóa chất hóa chất theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 28/12/2017 của Chính phủ về hướng dẫn Luật hóa chất; Trường hợp rơi ngã thiết bị chứa hóa chất nhưng không tràn đổ hóa chất ra môi trường: Sử dụng xe nâng hàng để tiếp tục di chuyển kiện hàng hóa chất đến vị trí chất xếp, sử dụng (kiểm tra lại chất lượng thiết bị chứa trước khi chất xếp); Trường hợp tràn đổ, rò rỉ hóa chất: Thông tin cho mọi người xung quanh được biết sự cố, cách ly khu vực có hóa chất bị rò rỉ bằng các biển cảnh báo, người cảnh giới, cách ly càng xa càng tốt, nhân viên Đội ứng phó sự cố có mặt tại hiện trường nhanh chóng trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, sử dụng các vật liệu thấm hút (giẻ lau nếu tràn đổ ít hay dùng cát nếu tràn đổ nhiều) hoặc dụng cụ xúc đổ để thu gom hóa chất tràn đổ, lưu chứa vào thùng phuy rộng và lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại chờ mang đi xử lý theo quy định, sử dụng phương tiện xe nâng di chuyển thiết bị chứa hóa chất bị vỡ, tràn đổ đến lưu chứa tại kho chất thải nguy hại chờ mang đi xử lý theo

quy định; áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất được duyệt, theo quy định khác.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, 124, 125, 126 Luật bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.



Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 10894/GPMT-UBND
ngày 01 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện Đức Hòa)

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc.
6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án gửi về Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa **trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải gửi về Ủy ban nhân dân huyện Đức Hòa trong **thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm** công trình xử lý chất thải.
8. **Chậm nhất là 10 ngày** sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ dự án thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hoạt động dự án.
09. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.
10. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
11. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12, gửi báo cáo trước ngày 05 tháng 01 của năm tiếp theo.